

CÔNG TY CỔ PHẦN NHÀ PHÂN PHỐI TMG
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN NHÀ PHÂN PHỐI TMG

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: TMG DISTRIBUTOR JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0110000644

3. Ngày thành lập: 18/05/2022

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 112 đường Dục Tú, Xã Dục Tú, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0948278383

Fax:

Email: Quyen.tmg@gmail.com

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
2.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
3.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
4.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác	4511
5.	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)	4512
6.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác	4513
7.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: - Đại lý bán hàng hóa - Môi giới mua bán hàng hóa (Không bao gồm hoạt động đấu giá tài sản)	4610
8.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (Loại Nhà nước cho phép)	4620
9.	Bán buôn thực phẩm Chi tiết: Bán buôn sữa và các sản phẩm sữa, bánh kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột; Kinh doanh thực phẩm chức năng theo quy định theo Nghị định 67/2016/NĐCP	4632
10.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép Chi tiết: Bán buôn hàng may mặc, giày dép	4641

11.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: - Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh - Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện - Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự - Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình chưa được phân vào đâu - Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác; - Bán buôn đồ kim chỉ: Kim, chỉ khâu...; - Bán buôn ô dù;	4649(Chính)
12.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (Trừ hoạt động kinh doanh vàng miếng)	4662
13.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: - Bán buôn gỗ cây, tre, nứa; - Bán buôn sản phẩm gỗ sơ chế; - Bán buôn sơn và véc ni; - Bán buôn vật liệu xây dựng như: cát, sỏi; - Bán buôn giấy dán tường và phủ sàn; - Bán buôn kính phẳng; - Bán buôn đồ ngũ kim và khoá; - Bán buôn ống nối, khớp nối và chi tiết lắp ghép khác; - Bán buôn bình đun nước nóng; - Bán buôn thiết bị vệ sinh như: Bồn tắm, chậu rửa, bệ xí, đồ sứ vệ sinh khác; - Bán buôn thiết bị lắp đặt vệ sinh như: Ống, ống dẫn, khớp nối, vòi, cút chữ T, ống cao su,...; - Bán buôn dụng cụ cầm tay: Búa, cưa, tua vít, dụng cụ cầm tay khác.	4663
14.	Trồng cây hàng năm khác Chi tiết:- Trồng cây dược liệu, hương liệu hàng năm	0119
15.	Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm	0128
16.	Trồng rừng, chăm sóc rừng và ươm giống cây lâm nghiệp Chi tiết:- Trồng rừng và chăm sóc rừng cây thân gỗ	0210
17.	Khai thác gỗ	0220
18.	Khai thác lâm sản khác trừ gỗ	0231
19.	Thu nhặt lâm sản khác trừ gỗ (loại trừ trồng nấm, thu nhặt nấm các loại)	0232
20.	Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp	0240
21.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh (Không bao gồm hoạt động đấu giá tài sản) Điều 28 Luật thương mại 2005	8299

22.	Quảng cáo (Loại Nhà nước cho phép)	7310
23.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận (Trừ các loại thông tin Nhà Nước cấm và dịch vụ điều tra)	7320
24.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng - Thiết kế thời trang liên quan đến dệt, trang phục, giày, đồ trang sức, đồ đạc và trang trí nội thất khác, hàng hóa thời trang khác cũng như đồ dùng cá nhân và gia đình khác.	7410
25.	Bán buôn tổng hợp (Trừ mặt hàng nhà nước cấm)	4690
26.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp Chi tiết: Bán lẻ trong siêu thị, trung tâm	4719
27.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ đường, sữa và các sản phẩm sữa khác, bánh, mứt, kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột trong các cửa hàng chuyên doanh, Bán lẻ thực phẩm chức năng theo quy định theo Nghị định 67/2016/NĐCP	4722
28.	Sản xuất sợi	1311
29.	Sản xuất vải dệt thoi	1312
30.	Hoàn thiện sản phẩm dệt	1313
31.	Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác	1391
32.	Sản xuất hàng dệt sẵn (trừ trang phục)	1392
33.	Sản xuất thảm, chăn, đệm	1393
34.	Sản xuất các loại dây bện và lưới	1394
35.	Sản xuất các loại hàng dệt khác chưa được phân vào đâu	1399
36.	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú) Chi tiết: Sản xuất, gia công các sản phẩm may mặc	1410
37.	Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc	1430
38.	Sản xuất vali, túi xách và các loại tương tự, sản xuất yên đệm	1512
39.	Sản xuất giày, dép	1520
40.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác Chi tiết:- Sản xuất gỗ lạng, ván mỏng và các loại ván, tấm mỏng bằng gỗ tương tự; - Sản xuất gỗ mảnh hoặc gỗ thớ; - Sản xuất gỗ ván ghép và vật liệu dùng để cách nhiệt bằng thủy tinh; - Sản xuất gỗ dán mỏng, gỗ trang trí ván mỏng.	1621
41.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
42.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện	1629
43.	Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh	2013

44.	Sản xuất sơn, véc ni và các chất sơn, quét tương tự; sản xuất mực in và ma tít	2022
45.	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	2392
46.	Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao	2394
47.	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao	2395
48.	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	2640
49.	Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng	2740
50.	Sản xuất đồ điện dân dụng	2750
51.	Sản xuất thiết bị điện khác Chi tiết: Sản xuất các thiết bị điện hỗn hợp khác không phải là máy phát, mô tơ hay máy truyền tải điện năng, pin, ắc quy, dây dẫn, thiết bị có dây dẫn, thiết bị chiếu sáng và thiết bị điện gia dụng.	2790
52.	Bán lẻ hàng dệt, may sẵn, giày dép lưu động hoặc tại chợ	4782
53.	Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ Chi tiết: Bán lẻ mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh lưu động hoặc tại chợ; Bán lẻ hàng gốm sứ, thủy tinh lưu động hoặc tại chợ; Bán lẻ hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ lưu động hoặc tại chợ; Bán lẻ xe đạp và phụ tùng lưu động hoặc tại chợ; Bán lẻ hàng hóa đã qua sử dụng lưu động hoặc tại chợ; Bán lẻ hàng hóa khác chưa được phân vào đâu, lưu động hoặc tại chợ	4789
54.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet Chi tiết: Hoạt động thương mại điện tử, bao gồm: - Sàn giao dịch thương mại điện tử; - Website khuyến mại trực tuyến; (Không bao gồm hoạt động đấu giá tài sản) Điều 25 Nghị định 52/2013/ NĐ-CP về Thương mại điện tử.	4791
55.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: - Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô Điều 9 Nghị định 10/2020/NĐ-CP quy định về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô	4933
56.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa (trừ kinh doanh bất động sản)	5210
57.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: – Gửi hàng; – Sắp xếp hoặc tổ chức các hoạt động vận tải đường sắt, đường bộ, đường biển hoặc đường hàng không; – Giao nhận hàng hóa; – Thu, phát các chứng từ vận tải và vận đơn;	5229

58.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế Chi tiết: - Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế bằng gỗ; - Sản xuất các đồ đạc như trên bằng các loại chất liệu (trừ gỗ, đá, bê tông và gốm) ở mọi nơi và cho các mục đích khác nhau.	3100
59.	Xây dựng nhà để ở	4101
60.	Xây dựng nhà không để ở	4102
61.	Phá dỡ (Không bao gồm hoạt động nổ mìn; rà phá bom, mìn)	4311
62.	Chuẩn bị mặt bằng (Không bao gồm hoạt động nổ mìn; rà phá bom, mìn)	4312
63.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
64.	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh	4751
65.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
66.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ giường, tủ, bàn, ghế và đồ dùng nội thất tương tự trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ đồ dùng gia đình bằng gốm, sứ, thủy tinh trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ nhạc cụ trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ đồ dùng gia đình khác còn lại chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ gạch ốp lát nền trang trí	4759
67.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: - Bán lẻ hàng may mặc; - Bán lẻ phụ kiện hàng may mặc khác như găng tay, khăn, bút tất, cà vạt, dây đeo quần...; - Bán lẻ giày, dép.	4771
68.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh	4773

6. Vốn điều lệ: 3.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán: 3.000

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	ĐÀO ĐỨC QUYỀN	Thôn Lý Nhân, Xã Dục Tú, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	900	900.000.000	30,000	0010820256 78	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	900	900.000.000	30,000		
2	NGUYỄN THỊ TUYẾT NHUNG	Tổ 8, Phường Thạch Bàn, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	300	300.000.000	10,000	013499447	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	300	300.000.000	10,000		

3	HOÀNG VĂN HUY	Thôn Lý Nhân, Xã Dục Tú, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	450	450.000.000	15,000	001201014717
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	450	450.000.000	15,000	
4	NGUYỄN HÙNG CƯỜNG	Số 62, ngõ 9, đường Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	900	900.000.000	30,000	012048339
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	900	900.000.000	30,000	
5	NGUYỄN TUẤN KHI	Thôn Lỗ Khê, Xã Liên Hà, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	300	300.000.000	10,000	001077043204
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	300	300.000.000	10,000	

6	ĐÀO ĐỨC AN	Thôn Lý Nhân, Xã Dục Tú, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	150	150.000.000	5,000	0010910308 33
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	150	150.000.000	5,000	

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	-----------------	---------------	---	--------------	---	------------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: ĐÀO ĐỨC AN

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 17/09/1991

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 001091030833

Ngày cấp: 21/01/2020

Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Thôn Lý Nhân, Xã Dục Tú, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Thôn Lý Nhân, Xã Dục Tú, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội